

Bản án số: **10/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/4/2022

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Lệ Thủy**

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Mỹ Thương** - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:
Bà **Lưu Thu Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phi H**- Sinh năm:1980 – Nơi ĐKKHKT: Tổ 21, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng – Chỗ ở hiện nay: Số 04 đường Đ, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định; *Có mặt*.

- Bị đơn: Bà **Mai Thị C**- Sinh năm:1976 - Trú tại: Tổ 21, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng; *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Phi H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phi H và bà Mai Thị C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại địa chỉ: tổ 32, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà nảy nhiều sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, khác biệt nhau về tính cách dẫn đến vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Ông H đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ cách đây khoảng 06 năm, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của ông đối với bà Mai Thị C không còn, do đó ông xin được ly hôn với bà Mai Thị C.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Phi H xác định giữa ông và bà Mai Thị C có 02 con chung là: Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày: 25/8/2003 và Nguyễn Mạnh C, sinh ngày: 14/11/2007. Ly hôn, ông Nguyễn Phi H có nguyện vọng giao con Nguyễn Mạnh C cho bà Mai Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Mạnh C đủ 18 tuổi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2022, vào ngày 25 hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim A đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Phi H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Phi H xác định không có.

** Đối với bị đơn – bà Mai Thị C:* Mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Mai Thị C đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của bà về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn - bà Mai Thị C không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Phi H đối với bà Mai Thị C.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là: Nguyễn Mạnh C- sinh ngày: 14/11/2007 cho bà Mai Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Mạnh C đủ 18 tuổi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2022, vào ngày 25 hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim A- sinh ngày: 25/8/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Phi H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: ông H xác định không có nợ chung. Tại phiên tòa bà Mai Thị C vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Phi H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Mai Thị C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Mai Thị C vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Ông Nguyễn Phi H và bà Mai Thị C đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 81 cấp ngày 04/7/2002. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại địa chỉ: Tổ 32, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, khác biệt nhau về tính cách dẫn đến vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Ông H đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ cách đây khoảng 06 năm, không ai quan tâm gì đến ai. Nay ông Nguyễn Phi H xác định không còn yêu thương bà Mai Thị C nữa, ông xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Phi H đối với bà Mai Thị C thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Nguyễn Phi H và bà Mai Thị C lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng gia đình mà ông H đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân từ 06 năm nay. Qua xác minh được biết giữa ông H và bà C có mâu thuẫn dẫn đến ông H đã không còn sinh sống tại địa phương từ mấy năm gần đây. Về phía bà Mai Thị C, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà Mai Thị C đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy bà Mai Thị C không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của ông Nguyễn Phi H và bà Mai Thị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phi H đối với bà Mai Thị C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Phi H xác định giữa ông và bà Mai Thị C có 02 con chung là: Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày: 25/8/2003 và Nguyễn Mạnh C, sinh ngày: 14/11/2007. Ly hôn, ông Nguyễn Phi H có nguyện vọng giao con Nguyễn Mạnh C cho bà Mai Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Mạnh C đủ 18 tuổi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2022, vào ngày 25 hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim A đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường, ông H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xử lý.

Xét yêu cầu của ông H về con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại, con Nguyễn Mạnh C đang ở với bà C, môi trường sinh sống và học tập đã ổn định nên cần tiếp tục giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, nhằm ổn định cuộc sống của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung. Tại phiên tòa hôm nay, ông H có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. HĐXX xét thấy phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Phi H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Phi H xác định vợ chồng bà không có nợ chung. Bà Mai Thị C vắng mặt nên không ghi nhận được kiến của bà về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, HĐXX không xem

xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Phi H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Nguyễn Phi H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của ông Nguyễn Phi H đối với bà Mai Thị C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Phi H được ly hôn bà Mai Thị C.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phi H đối với bà Mai Thị C nên giấy chứng nhận kết hôn số 81 do UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng cấp cho ông Nguyễn Phi H và bà Mai Thị C ngày 04/7/2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Mạnh C – sinh ngày: 14/11/2007 cho bà Mai Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Mạnh C đủ 18 tuổi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2022, vào ngày 25 hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim A- sinh ngày: 25/8/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường, ông H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Phi H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Phi H đã nộp tại biên lai thu số 3102 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Phi H phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường T, quận
S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

Nguyễn Thị Trâm